FireAnt

CTCP May Sông Hồng (HSX: MSH)

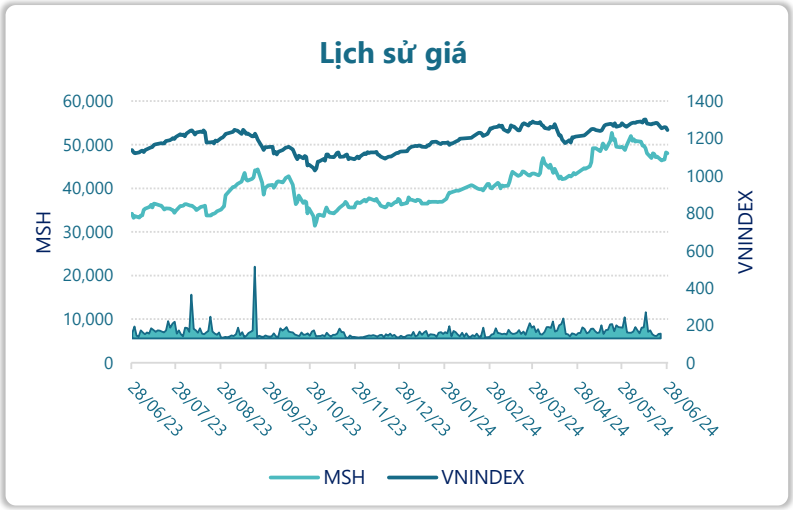

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**48,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	52,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	31,401
SL cổ phiếu LH	75,014,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	261,225
% sở hữu nước ngoài	4.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,601
P/E	13.0
EPS	3,686

DT thuần

Q2/24

1,333

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 563| 73.1%

YoY: ▼209| -13.5%

LN sau thuế

Q2/24

91.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 43.9| 91.7%

YoY: ▲ 6.30| 7.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

9.8%

+/- YoY: ▲ 2.5%

DT thuần

6T 2024

2,104

tỷ VNĐ

YoY: ▼75.0| -3.5%

LN sau thuế

6T 2024

139

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.0| 23.7%

ROE

Q2/24

14.2%

+/- YoY: ▼ 1.1%

Kết quả kinh doanh

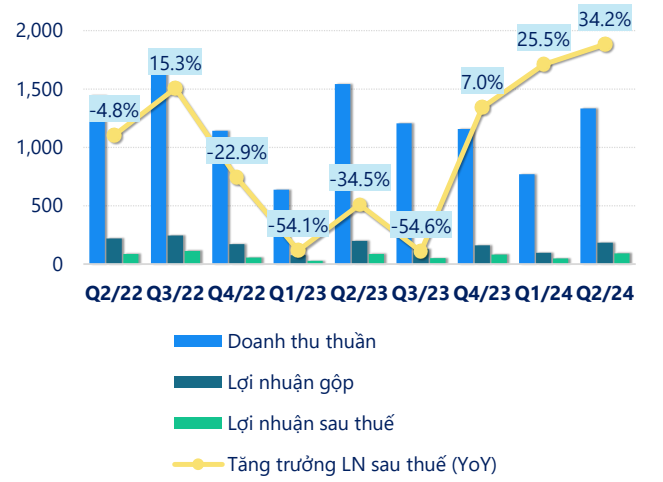

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

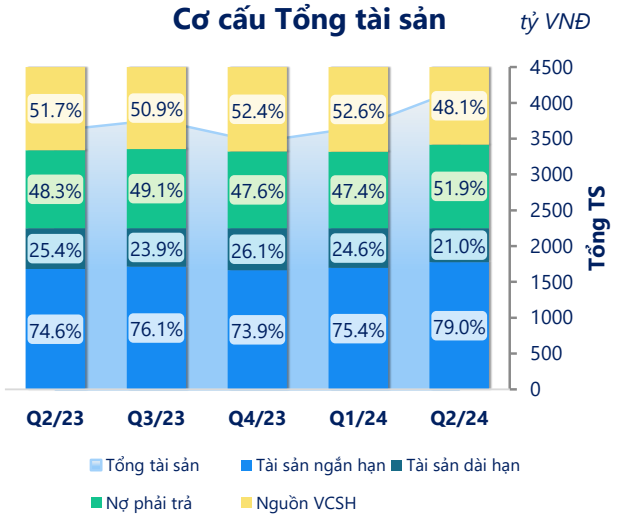

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

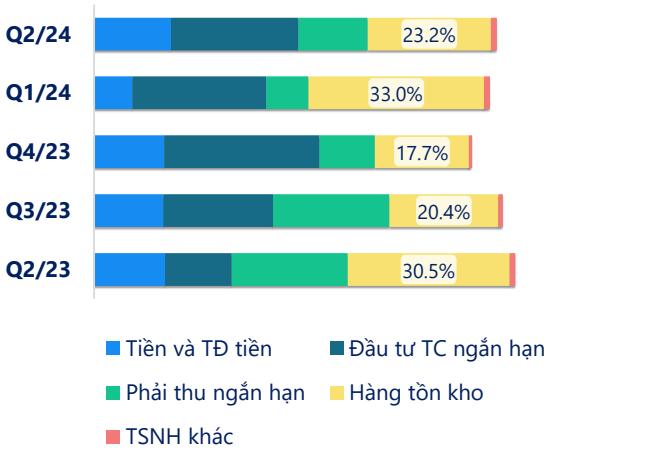

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

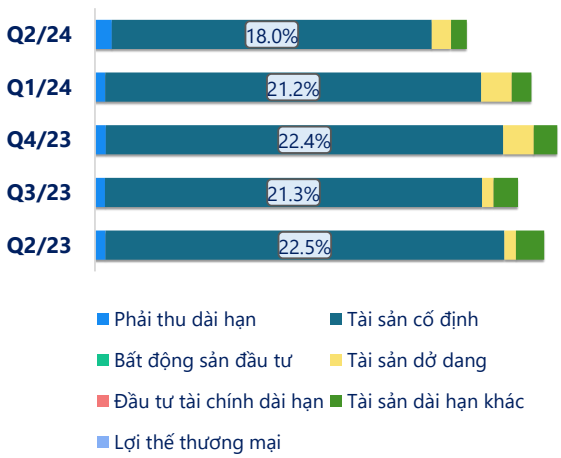

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

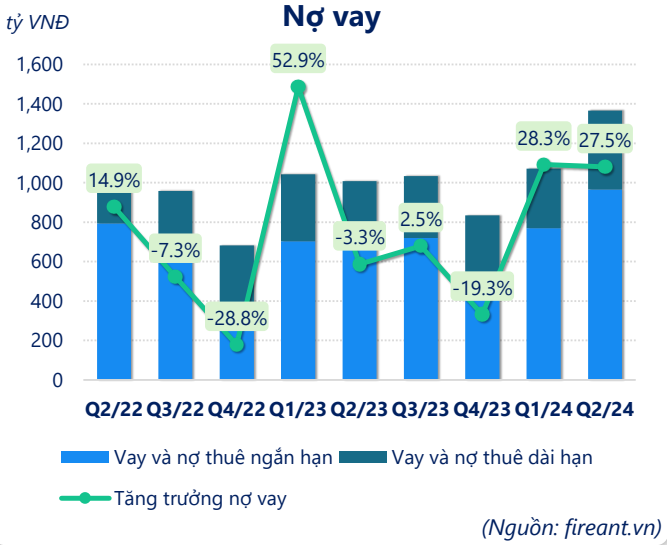

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

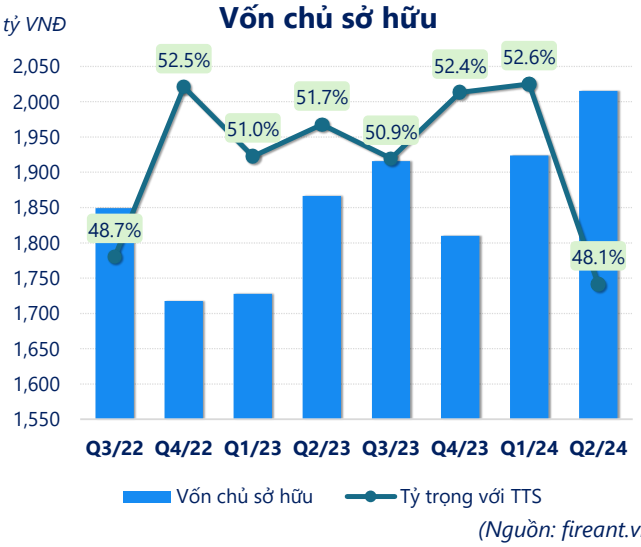

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

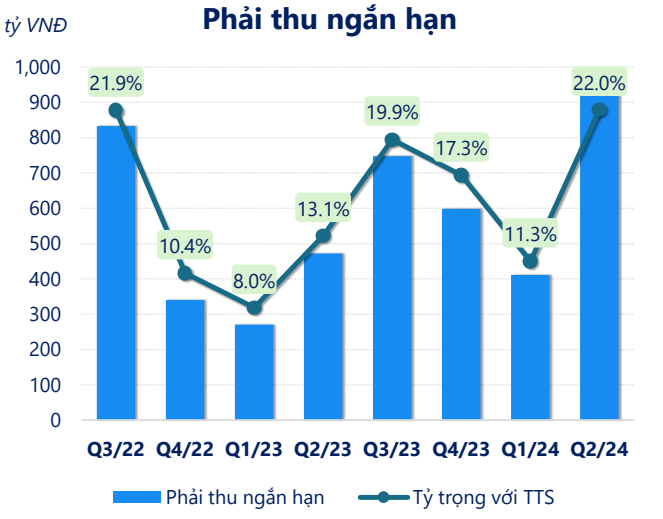

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

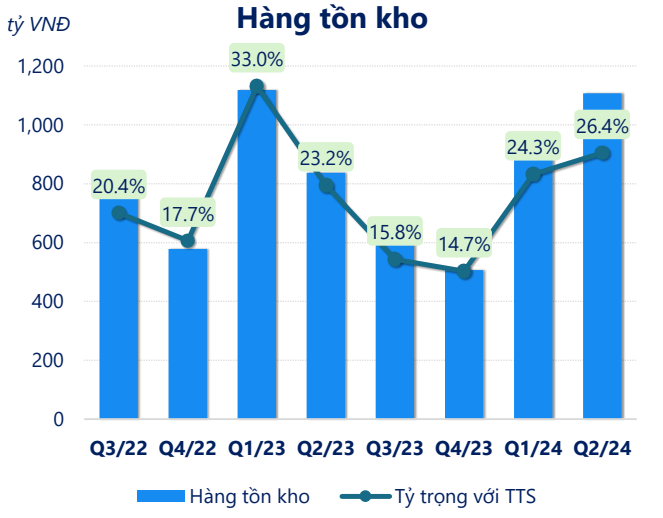

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

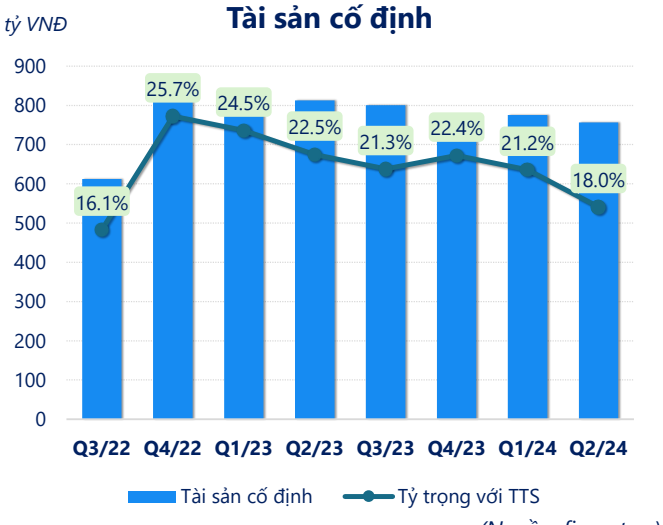

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

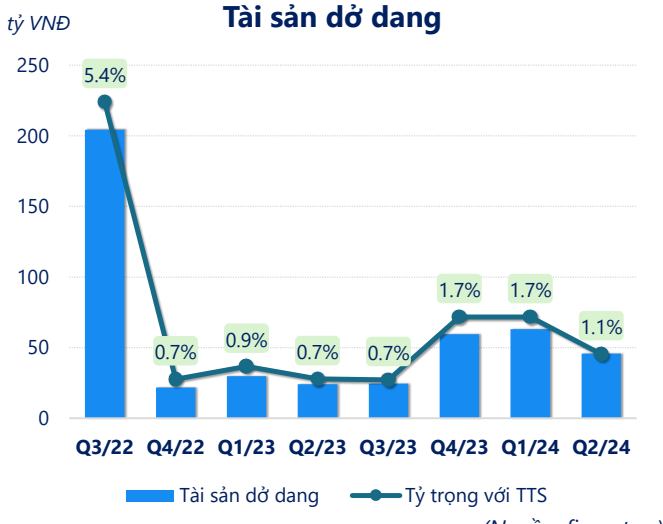

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

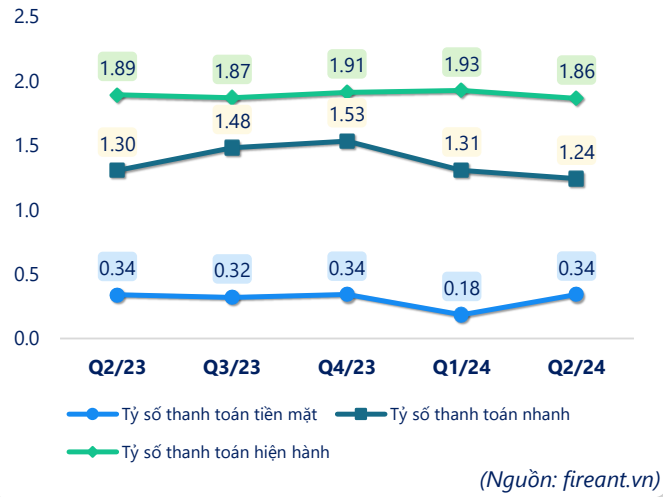

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

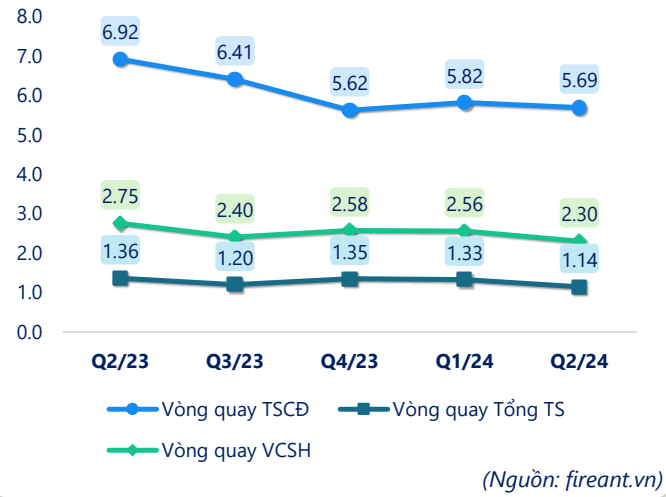

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**3,611**	**3,763**	**3,453**	**3,657**	**4,193**
Tài sản ngắn hạn	**2,696**	**2,865**	**2,553**	**2,756**	**3,313**
Tiền và tương đương tiền	483	490	455	263	607
Đầu tư tài chính ngắn hạn	864	1,002	971	1,141	629
Phải thu ngắn hạn	471	748	598	411	922
Hàng tồn kho	837	596	507	888	1,107
Tài sản ngắn hạn khác	40.4	28.9	21.6	52.4	48.4
Tài sản dài hạn	**916**	**898**	**900**	**901**	**880**
Phải thu dài hạn	21.4	21.4	21.4	21.4	40.0
Tài sản cố định	812	800	774	776	757
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	24.1	24.5	59.5	62.9	45.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	57.7	51.7	45.8	40.8	37.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,745**	**1,847**	**1,643**	**1,733**	**2,178**
Nợ ngắn hạn	**1,425**	**1,533**	**1,335**	**1,431**	**1,778**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	689	720	527	769	966
Phải trả người bán ngắn hạn	130	153	123	238	195
Nợ dài hạn	320	314	308	302	400
Vay và nợ thuê dài hạn	320	314	308	302	400
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,866**	**1,916**	**1,810**	**1,924**	**2,015**
Vốn chủ sở hữu	**1,866**	**1,916**	**1,810**	**1,924**	**2,015**
Vốn điều lệ	750	750	750	750	750
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)